

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HÒA XUÂN

Số: /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Xuân, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HÒA XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường.

Căn cứ Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025;

Xét Văn bản số 26/CV-TC ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà ở xã hội tại Khu đất chung cư số 5 thuộc Khu B - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ”, Văn bản số 35/CV-TC ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc Hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà ở xã hội tại Khu đất chung cư số 5 thuộc Khu B - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ” của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà ở Toàn Cầu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu, địa chỉ tại số 420 đường Phạm Hùng, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà ở xã hội tại Khu đất chung cư số 5 thuộc Khu B Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ” tại phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà ở xã hội tại Khu đất chung cư số 5 thuộc Khu B - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0402289825 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/7/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 16/08/2025.

1.4. Mã số thuế: 0402289825.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hình thành khu nhà ở xã hội để bán, cho thuê theo quy định pháp luật về nhà ở; khai thác kinh doanh phần thương mại, dịch vụ, tiện ích đồng bộ để đáp ứng nhu cầu của người dân.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

a) Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

b) Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

c) Tổng diện tích đất của dự án: 28.942,79m².

d) Quy mô dân số: 2.911 người.

đ) Các hạng mục, công trình chính của dự án:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên diện tích đất của dự án là 28.942,79m² gồm: San nền, giao thông, thoát nước mưa, cấp nước, thoát nước thải, cấp điện - chiếu sáng.

- Xây dựng các hạng mục công trình:

+ Nhà ở xã hội 01 (NOXH1) với 424 căn hộ và một nhà trẻ phục vụ khoảng 153 trẻ, gồm 01 tầng hầm +14 tầng nổi + 1 tum;

+ Nhà ở xã hội 02 (NOXH2) với 411 căn hộ, gồm 01 tầng hầm + 14 tầng nổi + 1 tum;

+ Nhà ở xã hội 03 (NOXH3) với 205 căn hộ, gồm 01 tầng hầm +14 tầng nổi + 1 tum;

+ Nhà ở thương mại (NOTM) với 266 căn hộ, gồm 01 tầng hầm + 14 tầng + 1 tum.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 (Mười) năm.**

(Kể từ ngàytháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà ở xã hội tại Khu đất chung cư số 5 thuộc Khu B - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Sở NN và MT (báo cáo);
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu (thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử của phường Hòa Xuân (đăng tải);
- Lưu VT, KTHĐT.

CHỦ TỊCH

Đặng Quang Vinh

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND Phường Hòa Xuân)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước thành phố trên đường Huỳnh Tịnh Của, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khối nhà chung cư thương mại: Nước thải toilet, âu tiểu được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ; nước thải bếp được thu gom về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ; nước thải rửa tay, chân, vệ sinh sàn, giặt, rửa lọc hồ bơi kết hợp với nước thải sau xử lý sơ bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khối nhà ở xã hội 01: Nước thải toilet, âu tiểu được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ; nước thải bếp được thu gom về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ; nước thải rửa tay, chân, vệ sinh sàn, giặt kết hợp với nước thải sau xử lý sơ bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khối nhà ở xã hội 02: Nước thải toilet, âu tiểu được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ; nước thải bếp được thu gom về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ; nước thải rửa tay, chân, vệ sinh sàn, giặt kết hợp với nước thải sau xử lý sơ bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khối nhà ở xã hội 03: Nước thải toilet, âu tiểu được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ; nước thải bếp được thu gom về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ; nước thải rửa tay, chân, vệ sinh sàn, giặt kết hợp với nước thải sau xử lý sơ bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Nước rửa lọc bình áp lực từ quá trình rửa lọc của hồ bơi định kỳ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 06: Nước thải rửa sàn tầng hầm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 07: Nước thải từ nhà chứa rác thông thường được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tách mỡ:

- Số lượng: 7 bể.

- Vị trí: Khối NOTM: 02 bể tách mỡ dung tích $20\text{m}^3/\text{bể}$; khối NOXH1: 02 bể tách mỡ dung tích $20\text{m}^3/\text{bể}$; khối NOXH2: 02 bể tách mỡ dung tích $20\text{m}^3/\text{bể}$; khối NOXH3: 01 bể tách mỡ dung tích 20m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.2. Bể tự hoại:

- Số lượng: 7 bể.

- Vị trí: Khối NOTM: 02 bể tự hoại dung tích $60\text{m}^3/\text{bể}$; khối NOXH1: 02 bể tự hoại dung tích $80\text{m}^3/\text{bể}$; khối NOXH2: 02 bể tự hoại dung tích $80\text{m}^3/\text{bể}$; khối NOXH3: 01 bể tự hoại dung tích 80m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể gom → Giỏ chắn rác/Bể điều hòa → Bể sinh học SBR 1&2 → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước khu vực trên đường Huỳnh Tịnh Của → Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân.

- Công suất thiết kế: $725\text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đường ống công nghệ, hệ thống điện động lực và điều khiển của từng hạng mục của hệ thống xử lý nước thải được thiết kế độc lập, đảm bảo khi tiến hành tháo lắp, sửa chữa thiết bị hư hỏng không làm ảnh hưởng đến các thiết bị khác.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, máy thổi khí.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi hệ thống xử lý nước thải, ghi chép đầy đủ các số liệu: lưu lượng nước thải, các sự cố thiết bị trong quá trình vận hành, hướng khắc phục các sự cố.

- Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước thải, điều chỉnh quá trình xử lý nước thải phù hợp với thực tế. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng lấy mẫu, quan trắc chất lượng nước thải trước và sau xử lý theo quy định để đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải.

- Kiểm tra, bảo trì định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố dẫn đến chất lượng nước thải đầu ra không đáp ứng quy định, thực hiện như sau:

Tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý ra hệ thống thoát nước thành phố; ngưng bơm cấp nước từ bể điều hòa sang bể sinh học. Nước thải được lưu chứa tại bể điều hòa và bể gom với thời gian lưu tối đa khoảng 8,8 giờ. Khẩn trương sửa chữa và khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải chưa đạt yêu cầu sẽ được bơm tuần hoàn về lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý theo đúng quy trình công nghệ xử lý nước thải. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa nước thải thì chuyển giao nước thải cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 725 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: tại vị trí đầu vào (bể gom) của hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải sau xử lý: tại vị trí đầu ra (bể khử trùng) của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép đầu nối vào Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TTBTNMT, việc quan trắc nước thải do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo quy định, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận của Trạm xử lý nước thải Hòa Xuân. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hay thay thế hoặc có văn bản khác quy định về chất lượng nước thải đầu nối, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; không để các chất bẩn

trong hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án chảy tràn, phát tán ra ngoài môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu chịu toàn bộ trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước của thành phố để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của
UBND Phường Hòa Xuân)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải 725 m³/ngđ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 01), tại tầng mái khối Nhà ở thương mại (NOTM). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.768.543; Y = 548.592 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa 1.875 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Dòng khí thải số 01: Liên tục (24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤7	Không thuộc đối tượng (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤20	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể của hệ thống xử lý nước thải 725 m³/ngđ đưa về Hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải → Ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp xử lý mùi bằng phương pháp hấp phụ → Ống dẫn khí → Quạt hút → Ống thải → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 1.875 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, hóa chất, vật liệu sử dụng trong hệ thống xử lý khí thải để kịp thời thay thế, khắc phục các sự cố.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành công trình xử lý khí thải và lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi hệ thống xử lý khí thải, ghi chép đầy đủ các số liệu: các sự cố thiết bị trong quá trình vận hành, hướng khắc phục các sự cố.

- Trang bị các máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý khí thải như quạt hút.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng hoạt động cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí. Sử dụng tạm thời các loại chế phẩm sinh học được lưu hành có công dụng khử mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải công suất 1.875 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 1 vị trí tại cửa (điểm) lấy mẫu của ống thải sau hệ thống xử lý khí thải (mùi).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, việc quan trắc khí thải do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường và có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố khí thải bảo đảm không xả khí thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý khí thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của 02 máy phát điện dự phòng với công suất 1.250 kVA và 800kVA (máy phát điện dự phòng số 01 đặt tại tầng hầm khối nhà ở xã hội 2, máy phát điện dự phòng số 02 đặt tại tầng hầm khối nhà ở thương mại; nhiên liệu sử dụng dầu diesel và chỉ sử dụng trong các trường hợp mất điện, vận hành bảo dưỡng theo quy trình của nhà sản xuất) không yêu cầu phải có hệ thống xử lý bụi, khí thải nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Bụi, khí thải phát sinh từ mỗi máy phát điện dự phòng được thu gom vào từng ống thải của máy phát điện dự phòng thải ra môi trường.

- Đảm bảo các quy định về kỹ thuật quan trắc khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường (bao gồm điểm lấy mẫu khí thải, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu, vị trí điểm lấy mẫu...).

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà ở Toàn Cầu có trách nhiệm giám sát chặt chẽ toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ dự án và kịp thời có các biện pháp xử lý phù hợp để bảo đảm không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của
UBND Phường Hòa Xuân)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng công suất 800 KVA tại tầng hầm khối nhà ở thương mại.
- + Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng công suất 1.250kVA tại tầng hầm khối nhà ở xã hội 2.
- + Nguồn số 03: Khu vực điều hành HTXLNT công suất 725m³/ngđ (06 máy thổi khí, 02 quạt hút mùi).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.768.535; Y = 548.570
- + Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.768.682; Y = 548.613
- + Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.768.538; Y = 548.571

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 107⁰45', mũi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung

3.1. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, như sau:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, tiếng ồn, độ rung của dự án phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ

trường Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các máy móc, thiết bị đặt tại khu vực riêng trên bề móng có gia cố và lắp đặt thiết bị chống rung.
- Sử dụng máy móc thiết bị mới đã được thiết kế giảm ồn, độ rung.
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục IV
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của
UBND Phường Hòa Xuân)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	40
2	Pin và ắc quy thải	16 01 12	100
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	50
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 02 01	50
6	Các linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	100
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 03	50
8	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	780
	Tổng khối lượng		1.220

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bùn từ bể tự hoại và bùn từ hệ thống thoát nước	12 06 10	396.920

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
2	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	22.493
	Tổng		419.413

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1.472,8
	Tổng	1.472,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại được lưu chứa trong thùng có nắp đậy, không rò rỉ, được dán tên, mã chất thải nguy hại của loại chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa số 01:

+ Diện tích: 3,0m²;

+ Vị trí: Tầng 01 khối nhà ở thương mại (NOTM);

+ Thiết kế, cấu tạo: Được xây chắc chắn, bảo đảm kín, có tường bao và mái che kín, mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có gờ ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; có biển báo và trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ chất thải; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Kho lưu chứa số 02:

+ Diện tích: 3,6m²;

+ Vị trí: Tầng 01 khối nhà ở xã hội 01 (NOXH 01);

+ Thiết kế, cấu tạo: Được xây chắc chắn, bảo đảm kín, có tường bao và mái che kín, mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có gờ ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất

thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; có biển báo và trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ chất thải; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Kho lưu chứa số 03:

+ Diện tích: 3,5m²;

+ Vị trí: Tầng 01 khối nhà ở xã hội 02 (NOXH 02);

+ Thiết kế, cấu tạo: Được xây chắc chắn, bảo đảm kín, có tường bao và mái che kín, mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có gờ ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; có biển báo và trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ chất thải; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Kho lưu chứa số 04:

+ Diện tích: 3,6m²;

+ Vị trí: Tầng 01 khối nhà ở xã hội 03 (NOXH 03);

+ Thiết kế, cấu tạo: Được xây chắc chắn, bảo đảm kín, có tường bao và mái che kín, mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có gờ ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; có biển báo và trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ chất thải; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Dầu, mỡ thải phát sinh từ bể tách mỡ, bùn thải phát sinh từ bể tự hoại: Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, chuyển giao xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: được lưu chứa trong bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, chuyển giao xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của pháp luật.

- Bố trí các thùng chứa, có nắp đậy, không rò rỉ tại các vị trí phù hợp, đảm bảo thu

gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh tại dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa tại 04 kho chứa chất thải rắn thông thường, cụ thể:

+ Khối nhà xã hội 01: 01 kho với diện tích khoảng 10m^2 nằm ở tầng 1 của khối nhà. Ngoài ra, tại mỗi tầng còn lại bố trí mỗi tầng 02 phòng chứa rác có diện tích khoảng 5m^2 /phòng.

+ Khối nhà xã hội 02: 01 kho với diện tích khoảng 7m^2 nằm ở tầng 1 của khối nhà. Ngoài ra, tại mỗi tầng còn lại bố trí mỗi tầng 02 phòng chứa rác có diện tích khoảng 5m^2 /phòng.

+ Khối nhà xã hội 03: 01 kho với diện tích khoảng 5m^2 nằm ở tầng 1 của khối nhà. Ngoài ra, tại mỗi tầng còn lại bố trí mỗi tầng 01 phòng chứa rác có diện tích khoảng 5m^2 /phòng.

+ Khối nhà ở thương mại: 01 kho với diện tích khoảng $11,5\text{m}^2$ nằm ở tầng 1 của khối nhà. Ngoài ra, tại mỗi tầng còn lại bố trí mỗi tầng 01 phòng chứa rác có diện tích khoảng 5m^2 /phòng.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định khác có liên quan.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục V
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của
UBND Phường Hòa Xuân)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Công khai giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định khác có liên quan. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động của dự án gây ra.

5. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, môi trường và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện hệ thống hóa, lưu giữ các hồ sơ, tài liệu môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại dự án để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

8. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án, cụ thể:

a) Về thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tại công trường: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động để thu gom; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom,

vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

- Đối với nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công xây dựng: bố trí 02 bồn chứa dung tích 01m^3 /bồn để lắng cặn. Nước thải sau lắng được tái sử dụng hoàn toàn cho mục đích thi công xây dựng, không xả thải ra môi trường. Cặn lắng được định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải từ hoạt động rửa xe ra vào công trường: Bố trí 02 bể lắng với kích thước $L \times B \times H = (2,0 \times 2,0 \times 2)\text{m}$ để lắng cặn. Nước thải sau lắng được tái sử dụng hoàn toàn cho mục đích thi công xây dựng, không xả thải ra môi trường. Cặn lắng được định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với nước ngầm khi thi công: Lắp đặt các giếng bơm có thiết bị lọc cát để bơm nước ngầm vào 02 bể lắng nước ngầm với thể tích mỗi bể là 15m^3 . Nước ngầm sau khi lắng sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Đối với nước mưa chảy tràn trên công trường: Che chắn bãi tập kết vật liệu xây dựng; sử dụng chung 02 bể lắng nước ngầm nêu trên để lắng cặn. Nước mưa sau khi lắng sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

b) Về thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Lập hàng rào cao tối thiểu 2m để che chắn xung quanh khu vực công trình thi công; sử dụng lưới chắn bụi, lưới hứng vật rơi khi thi công lên tầng cao đảm bảo ngăn bụi phát tán.

- Che chắn khu vực lưu giữ tạm thời đất đá thải, bãi tập kết nguyên vật liệu thi công xây dựng tại dự án, đảm bảo không làm phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí khu vực rửa xe tại cổng ra vào công trường để vệ sinh phương tiện trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí nhân viên giám sát đơn vị thi công trong suốt quá trình hoạt động, nhằm đảm bảo nhà thầu thi công thực hiện nghiêm túc các phương án giảm bụi và đồng thời điều tiết mật độ phương tiện ra vào dự án.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, chất thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi tại khu vực thi công với tần suất khoảng 2 lần/ngày; hàng ngày thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và các khu vực ngoài công trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Bố trí 02 khu vực lưu chứa chất thải xây dựng tại công trường.

+ Các loại chất thải phát sinh được thu gom, phân loại và tái sử dụng hoặc bán phế liệu; phần còn lại không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thiết bị lưu chứa đảm bảo quy định để thu gom và lưu chứa chất thải phát sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại: Bố trí thiết bị lưu chứa đảm bảo quy định để thu gom và lưu chứa chất thải tại công trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Phân loại, phân định, thu gom, lưu giữ, chuyển giao xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định khác có liên quan.

d) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Cần có phương án và giải pháp kỹ thuật thi công xây dựng để hạn chế tối đa tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng đến người dân và khu vực xung quanh, đặc biệt vào giờ nghỉ trưa và ban đêm.

- Các thiết bị và máy móc thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và môi trường trước khi đưa vào hoạt động.

- Hạn chế sử dụng đồng thời các phương tiện, máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn; máy móc, thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; khi thi công gần khu dân cư thì lựa chọn máy móc, thiết bị có mức ồn thấp.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công Dự án.

9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan./.